

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về tổ chức và hoạt động của Đội dân phòng
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa, đổi bổ sung, một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP ngày 31 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị định số 06/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức và hoạt động của Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Giám đốc Công an tỉnh chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 1990 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức và hoạt động của đội dân phòng ở ấp, khu phố, cụm dân cư thuộc xã, phường, thị trấn.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành

phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP;
- Bộ Công an;
- BTLQK 9, BCĐTNB;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, (D).

65

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Kim Mai

QUY ĐỊNH

**Về tổ chức và hoạt động của đội dân phòng
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2015/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

Chương I.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về tổ chức và hoạt động của đội dân phòng ở ấp, khu phố, xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là đội dân phòng) và trách nhiệm quản lý nhà nước về đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Quy định này được áp dụng đối với lực lượng dân phòng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Chức năng của đội dân phòng

Đội dân phòng là tổ chức quần chúng tự nguyện, được thành lập có chức năng tham gia thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phòng ngừa, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và tham gia thực hiện một số biện pháp phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật giữ gìn an ninh, trật tự ở ấp, khu phố, xã, phường, thị trấn.

Điều 3. Tổ chức và hoạt động của đội dân phòng

1. Tổ chức của đội dân phòng:

a) Mỗi ấp, khu phố, xã, phường, thị trấn có một Đội dân phòng.

Số lượng mỗi Đội dân phòng có từ 6 đến 12 người, gồm: Đội trưởng, 01 đến 02 Đội phó và các Đội viên.

Nhiệm kỳ hoạt động của Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng là 05 năm; việc thay thế, bổ sung nhân sự đội dân phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) quyết định bằng văn bản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương quyết định thành lập đội dân phòng; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng.

Trưởng ấp, khu phố có trách nhiệm phối hợp với Công an xã, phường, thị trấn (viết tắt là Công an cấp xã) đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thành lập đội dân phòng ở ấp, khu phố. Đối với các địa bàn phức tạp về an ninh, trật tự thì Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm đề xuất Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập đội dân phòng ở xã, phường, thị trấn.

c) Trưởng Công an cấp xã trực tiếp chỉ đạo hoạt động của các đội dân phòng.

2. Hoạt động của đội dân phòng:

a) Đội dân phòng hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Quy định này; cấp dưới phục tùng cấp trên; dựa vào nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân và chịu sự giám sát của nhân dân.

b) Đội dân phòng chịu sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy Đảng; sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã và sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ của Công an cấp xã.

c) Trong khi làm nhiệm vụ, đội viên đội dân phòng phải mặc đồng phục, đeo băng chức danh và mang theo giấy chứng nhận dân phòng để xuất trình khi làm nhiệm vụ.

b) Định kỳ hàng tháng, đội dân phòng họp 01 lần để kiểm điểm rút kinh nghiệm công tác và triển khai nhiệm vụ công tác tiếp theo; khi cần thiết Đội trưởng đội dân phòng có thể triệu tập họp đột xuất. Hàng năm có tổng kết, tổ chức phân loại chất lượng hoạt động của đội dân phòng.

Điều 4. Tiêu chuẩn tham gia vào lực lượng dân phòng

1. Người tham gia vào lực lượng dân phòng phải đảm bảo các tiêu chuẩn:

a) Công dân Việt Nam có độ tuổi từ đủ 18 tuổi trở lên, có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú dài hạn tại xã, phường, thị trấn nơi tham gia

b) Có lý lịch rõ ràng, bản thân và gia đình chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

c) Có sức khỏe, tinh thần tự nguyện và điều kiện tham gia công tác trong lực lượng dân phòng.

d) Có trình độ học vấn từ Trung học cơ sở trở lên (riêng các địa bàn vùng sâu, vùng xa, đặc biệt khó khăn thì trình độ học vấn từ Tiểu học trở lên).

đ) Đội trưởng, đội phó đội dân phòng ngoài các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, c, d phải là người có khả năng tổ chức, điều hành hoạt động của đội dân phòng, có uy tín, được nhân dân trong ấp, khu phố và đội viên tin nhiệm.

2. Khuyến khích đảng viên, đoàn viên, hội viên và các đoàn thể, tổ trưởng, tổ phó Tổ tự quản, Tổ dân phố, quân nhân xuất ngũ, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân xuất ngũ tham gia lực lượng dân phòng.

Điều 5. Quan hệ phối hợp giữa lực lượng dân phòng với cơ quan, tổ chức, cá nhân và đơn vị vũ trang nhân dân trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự

1. Lực lượng dân phòng chủ động phối hợp với Dân quân tự vệ, đơn vị Công an nhân dân, cơ quan, tổ chức trên địa bàn cấp xã thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy ở cơ sở.

2. Phối hợp với lực lượng Dân quân tự vệ, bảo vệ chuyên trách các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn để bảo vệ an ninh, trật tự theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân và Công an cấp xã.

3. Phối hợp với ban, ngành, đoàn thể địa phương quản lý, giáo dục người vi phạm pháp luật (khi được Ủy ban nhân dân cấp xã giao); vận động cán bộ, nhân dân, công nhân, lao động trong các cơ quan, doanh nghiệp tham gia giữ gìn an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng chống cháy, nổ; xây dựng gia đình, ấp, khu phố văn hóa, xã, phường, thị trấn an toàn về an ninh, trật tự.

4. Đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn cấp xã có trách nhiệm phối hợp, cộng tác, giúp đỡ, tạo điều kiện lực lượng dân phòng thực hiện nhiệm vụ.

Chương II. **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ĐỘI DÂN PHÒNG**

Điều 6. Nhiệm vụ của đội dân phòng

1. Thực hiện các biện pháp giữ gìn an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn cứu hộ, phòng ngừa, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các tai nạn khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của ngành Công an, cụ thể:

a) Tuyên truyền, vận động nhân dân, phổ biến kiến thức và kỹ năng về công tác phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, phòng ngừa, tố giác tội phạm và vi phạm pháp luật.

b) Phối hợp với lực lượng chuyên trách thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phòng ngừa, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các tai nạn khác.

c) Đề xuất việc ban hành quy định, nội quy an toàn về phòng cháy, chữa cháy; xây dựng phương án, chuẩn bị lực lượng, phương tiện phòng cháy, chữa cháy; tham gia chữa cháy khi có cháy xảy ra.

2. Tổ chức tuần tra, canh gác giữ gìn an ninh, trật tự để phòng ngừa, phát hiện đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội tại địa bàn, các khu vực dân cư theo chương trình, kế hoạch được duyệt của Trưởng Công an cấp xã và theo hướng dẫn của Cảnh sát khu vực, Công an viên; phát hiện, ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật, gây mất trật tự công cộng, vi phạm các thể lệ, quy tắc, quy ước về bảo vệ an ninh, trật tự, kịp thời phản ánh cho cơ quan Công an, Ủy ban nhân dân cấp xã có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

3. Tham gia bảo vệ hiện trường, cứu giúp người bị nạn, nạn nhân trong các vụ án, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, cháy, nổ; bảo vệ an toàn tài sản của nhân dân và tham gia truy bắt người phạm tội quả tang, đối tượng có lệnh truy nã, trốn thi hành án, tham gia kiểm tra lưu trú, tạm trú; tham gia phòng chống tệ nạn xã hội, hòa giải, giải quyết các mâu thuẫn trong nhân dân ở địa phương, cơ sở.

4. Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân và đơn vị vũ trang nhân dân trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự theo quy định tại Điều 4 của Quy định này và các nhiệm vụ khác theo sự phân công, chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Công an cấp xã và theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền hạn của đội dân phòng

1. Đôn đốc, nhắc nhở nhân dân trong khu vực thực hiện các quy định về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng ngừa cháy, nổ, phòng ngừa, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, các quy định về tiêu chí văn hóa, tiêu chí về xây dựng nông thôn mới.

2. Tham gia cùng với lực lượng chức năng bắt, tước hung khí và dẫn giải đối tượng phạm tội quả tang, đối tượng đang bị truy nã, trốn thi hành án; tham gia kiểm tra lưu trú, tạm trú.

3. Trong khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, đội dân phòng được quyền yêu cầu chấm dứt ngay hành vi vi phạm hoặc yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm các thể lệ, quy ước, nội quy bảo vệ an ninh, trật tự hoặc có biểu hiện nghi vấn tội phạm về trụ sở Công an, điểm tiếp công dân của Cảnh sát khu vực, ấp, khu phố và báo cáo ngay cho lực lượng Công an, Ủy ban nhân dân cấp xã để chỉ đạo, giải quyết.

4. Trong khi làm nhiệm vụ, được quyền mang và sử dụng gậy cao su, các phương tiện và công cụ hỗ trợ cần thiết khác để đảm bảo yêu cầu công tác giữ gìn an ninh, trật tự và phòng vệ chính đáng theo quy định của pháp luật.

5. Báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Công an cấp xã xử lý các hành vi cố ý vi phạm, vi phạm nhiều lần các quy định về an ninh trật tự, an toàn về phòng cháy, chữa cháy.

Điều 8. Trách nhiệm của Đội trưởng, Đội phó và Đội viên

1. Đội trưởng đội dân phòng có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Quy định này; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân và Công an cấp xã về hoạt động của đội dân phòng; định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện của đội dân phòng với Ủy ban nhân dân và Công an cấp xã.

2. Đội phó đội dân phòng thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Đội trưởng đội dân phòng và điều hành hoạt động của đội dân phòng khi Đội trưởng đi vắng hoặc được ủy quyền.

3. Đội viên đội dân phòng chịu sự lãnh đạo, quản lý trực tiếp của Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng; có trách nhiệm phối hợp, thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch công tác của đội dân phòng.

Chương III.

ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘI DÂN PHÒNG

Điều 9. Chế độ, chính sách

1. Lực lượng đội dân phòng khi tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, trực tiếp tham gia chữa cháy thì được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định tại Điều 35 Nghị định 79/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Lực lượng đội dân phòng khi tham gia công tác bảo vệ an ninh, trật tự mà bị tổn hại về danh dự thì được khôi phục; bị thiệt hại về tài sản thì được đền

bù; bị chết do trực tiếp tham gia công tác bảo vệ an ninh, trật tự thì được xem xét công nhận là liệt sĩ, nếu bị thương làm suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên thì được xem xét để hưởng chính sách như thương binh theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng (theo Khoản 3, Điều 10 Nghị định số 06/2014/NĐ-CP ngày 21/01/2014 của Chính phủ quy định về biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội); khi làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát hoặc nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công thì được bồi dưỡng phù hợp, tùy theo điều kiện của địa phương. Khi Đội viên đội dân phòng bị ốm đau, tai nạn hoặc có khó khăn về vật chất thì Ủy ban nhân dân, Công an cấp xã có trách nhiệm tổ chức thăm viếng, quan tâm, giúp đỡ về vật chất, động viên về tinh thần để lực lượng dân phòng yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Lực lượng đội dân phòng được tham gia huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ về công tác của lực lượng dân phòng; mỗi ngày tham gia được hưởng 01 khoản tiền bằng 1,5 ngày lương cơ sở.

Điều 10. Nơi làm việc và trang bị của đội dân phòng

1. Tùy theo khả năng và điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí nơi làm việc phù hợp, đảm bảo hoạt động của đội dân phòng.

2. Trang bị, trang phục:

a) Hai năm một lần, mỗi Đội viên đội dân phòng được cấp 03 bộ quần áo, 01 mũ mềm, 03 đôi giày bện và 06 đôi tất. Màu sắc, chủng loại trang phục do Công an tỉnh quy định.

b) Đội viên đội dân phòng được Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy chứng nhận, bảng tên theo mẫu do Công an tỉnh quy định. Định kỳ 05 năm cấp lại 01 lần hoặc khi bị mất, hư hỏng thì đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã cấp lại.

c) Đội dân phòng được trang bị gậy cao su, còi, đèn pin; dụng cụ phòng cháy, chữa cháy; công cụ hỗ trợ cần thiết khác phục vụ yêu cầu công tác đảm bảo an ninh, trật tự ở địa phương. Số lượng công cụ trang bị tùy theo điều kiện thực tế của địa phương.

Điều 11. Kinh phí đảm bảo cho hoạt động của lực lượng dân phòng

Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng ngân sách dành riêng chi cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy từ nguồn ngân sách dành cho Quốc phòng - An ninh để chi hỗ trợ cho hoạt động của lực lượng dân phòng, hỗ trợ thường xuyên cho đội trưởng, đội phó đội dân phòng, mua sắm thiết bị bảo hộ, dụng cụ phòng cháy cho lực lượng dân phòng; được sử dụng nguồn thu Quỹ Quốc phòng - An ninh, nguồn kinh phí tự nguyện đóng góp, tài trợ của các cơ quan, tổ chức, nhân dân và các nguồn tài chính hợp pháp khác để mua sắm trang phục, trang bị bảng tên, giấy chứng nhận, công cụ hỗ trợ, thiết bị bảo hộ, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và thực hiện chế độ, chính sách, đảm bảo điều kiện làm việc và hoạt động cho lực lượng dân phòng.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương IV.
KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 12. Khen thưởng

1. Tập thể, đội viên đội dân phòng lập thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng chống tội phạm; tham gia giữ gìn an ninh, trật tự và phòng cháy, chữa cháy được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng lực lượng dân phòng thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Xử lý vi phạm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi chống đối, cản trở việc tổ chức, hoạt động của lực lượng dân phòng, vi phạm các quy định khác của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của đội dân phòng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Tập thể, đội viên đội dân phòng có hành vi vi phạm pháp luật, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ để mưu cầu lợi ích cá nhân, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và uy tín, tài sản của tổ chức, cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường cho người bị hại theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 14. Khiếu nại, tố cáo đối với hoạt động của đội dân phòng

1. Mọi tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo với Trưởng Công an hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã về hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm pháp luật của cán bộ, đội viên đội dân phòng.

2. Việc khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân đối với lực lượng dân phòng được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 15. Kiểm tra hoạt động của đội dân phòng

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể, Ủy ban nhân dân, Công an cấp xã có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn đội dân phòng thực hiện nhiệm vụ và thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của đội dân phòng.

Chương V.
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định này và thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng dân phòng phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương. Quy định, hướng dẫn thống nhất mẫu trang phục, giấy chứng nhận, bảng tên cho lực lượng dân phòng theo điểm a, b, khoản 2, điều 11 của Quy định này.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ thường xuyên cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định 79/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Hàng năm, tham mưu đề xuất tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết công tác của đội dân phòng để rút kinh nghiệm, nhân điển hình tiên tiến nhằm động viên, khen thưởng những cá nhân, đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ; củng cố, nâng chất hoạt động của lực lượng dân phòng.

4. Chỉ đạo cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thường xuyên tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy đối với lực lượng dân phòng.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp hướng dẫn việc thu, chi các nguồn kinh phí, nguồn quỹ để trang bị, hỗ trợ, bổ sung kinh phí đảm bảo hoạt động cho lực lượng dân phòng.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lực lượng dân phòng, chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của lực lượng dân phòng.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quyết định thành lập, ban hành quy chế hoạt động, bố trí nơi làm việc; đảm bảo kinh phí, trang bị công cụ, phương tiện và các điều kiện cần thiết để duy trì hoạt động của đội dân phòng.

2. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Trưởng Công an cấp xã; Trưởng ấp, khu phố và cán bộ, đội viên đội dân phòng tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo, phản ánh về Công an tỉnh để tổng hợp, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Kim Mai